# 2026-10-22 CSCA30_De_17_Cau_011

Mã bài CSCA30_De_17_Cau_011
Đề 17 · Câu 011 · Ngày 2026-10-22
Chương 03 - Hàm số · Dễ

Kết quả / 答案 B

解题步骤 · Lời giải tiếng Trung

第1步：$x = \sqrt[3]{y-9}$。
→ 原理：求反函数：由 $y=f(x)$ 解出 $x$，再交换 $x, y$；单调函数才有反函数，二者图像关于 $y=x$ 对称。
第2步：$y = \sqrt[3]{x-9}$。
→ 原理：同上，求反函数：由 $y=f(x)$ 解出 $x$，再交换 $x, y$；单调函数才有反函数，二者图像关于 $y=x$ 对称。
说明：交换 $x, y$ 得 $x = y^3 + 9$，解得 $y = \sqrt[3]{x-9}$，定义域为 $\mathbb{R}$。原函数严格递增，因此反函数存在。
结论：选 B。

Các bước giải · Lời giải tiếng Việt

Bước 1 – $y = x^3 + 9$ đồng biến; $x = \sqrt[3]{y-9}$.
→ Lý thuyết: Tìm hàm ngược: từ $y=f(x)$ giải ra $x$ theo $y$, rồi đổi tên $x \leftrightarrow y$. Hàm có hàm ngược khi nó đơn điệu (mỗi $y$ ứng với đúng một $x$); đồ thị $f$ và $f^{-1}$ đối xứng qua đường $y=x$.
Bước 2 – Hàm ngược $y = \sqrt[3]{x-9}$.
→ Lý thuyết: nhắc lại – Tìm hàm ngược: từ $y=f(x)$ giải ra $x$ theo $y$, rồi đổi tên $x \leftrightarrow y$.
Nhận xét: Đổi vai trò $x, y$ được $x = y^3 + 9$. Giải theo $y$ suy ra $y = \sqrt[3]{x-9}$, xác định trên $\mathbb{R}$; hàm ban đầu đồng biến nên có hàm ngược.
Kết luận: chọn B.

Mở đề bài / 查看题目